| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÚ TÂN**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc** |
| Bản án số: 126/2024/HNGĐ-ST<br>Ngày 16-7-2024<br>V/v ly hôn | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Minh Luân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Ông Trần Văn Giang

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Bảo Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/5/2024 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thanh T, sinh năm: 1984 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Ông Tô Phát Đ, sinh năm: 1976 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 4 năm 2024 và Đơn bổ sung, thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 06/6/2024 nguyên đơn bà* Lê Thanh T *trình bày:*

Bà Lê Thanh T và ông Tô Phát Đ thành hôn với nhau năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống bà Lê Thanh T và ông Tô Phát Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường cự cãi xúc phạm lẫn nhau, được cha mẹ hai bên hàn gắn nhưng không thành. Bà Lê Thanh T và ông Tô Phát Đ, không thể hàn gắn đoàn tụ nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Bà Lê Thanh T và ông Tô Phát Đ có 01 người con chung tên Tô Thái H, sinh ngày 16/5/2006 hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét. Tài sản chung, tự thỏa thuận; nợ chung, không có không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn ông Tô Phát Đ trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với ông Đ nhưng ông Đ vẫn vắng mặt và

không gởi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Tô Phát Đ có nơi cư trú tại huyện P, nguyên đơn bà Lê Thanh T khởi kiện xin ly hôn với ông Tô Phát Đ nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với ông Tô Phát Đ nhưng ông Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa, bà T xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông Đ là phù hợp với quy định.

[2] Xét về hôn nhân: Bà Lê Thanh T và ông Tô Phát Đ thành hôn với nhau năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau. Được thể hiện tại Trích lục kết hôn (Bản sao) số 35/TLKH-BS ngày 22/4/2024 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau cấp, đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thanh T và ông Tô Phát Đ được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn bà Lê Thanh T trình bày trong thời gian chung sống bà Lê Thanh T và ông Tô Phát Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường cự cãi xúc phạm lẫn nhau, được cha mẹ hai bên hàn gắn nhưng không thành. Bà Lê Thanh T và ông Tô Phát Đ, không thể hàn gắn đoàn tụ nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Lê Thanh T và ông Tô Phát Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà Lê Thanh T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét về con chung: Bà Lê Thanh T và ông Tô Phát Đ có 01 người con chung tên Tô Thái H, sinh ngày 16/5/2006 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Lê Thanh T phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thanh T, bà T được ly hôn với ông Tô Phát Đ.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình bà Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng, bà T có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003439 ngày 22/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

*"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND nơi cấp GCNKH;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa**

**Võ Minh Luân**